

Bản án số: 185/2025/HS-PT

Ngày: 16-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Đặng Kim Nhân

ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 661/2024/TLPT-HS ngày 27/12/2024 đối với bị cáo **Nguyễn Sỹ T** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 763/2025/QĐXXPT-HS ngày 19/3/2024.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Sỹ T**, sinh ngày 17/7/1976 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: **khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; nơi cư trú: **F L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông **Nguyễn Sỹ T1** và con bà **Trần Thị H**; có vợ tên là **Nguyễn Thị H1** và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 22/2013/HSST ngày 21/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An xử phạt **Nguyễn Sỹ T** 7.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Trần Q - Văn phòng L2**; địa chỉ: **A T, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2016, **Nguyễn Sỹ D** (sinh năm 1982; trú: **khôi T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**) thành lập **Công ty TNHH D3** (Công ty) với mã số doanh nghiệp, mã số thuế là 2901860029, có trụ sở kinh doanh chính tại **B L, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. Đến khoảng tháng 6 năm 2018, Công ty mở Chi nhánh tại Thừa Thiên Huế - Chi nhánh **Công ty TNHH D4 Đ** tại Huế với mã số doanh nghiệp, mã số thuế là 2901860029-007. Nhưng do hoạt động không hiệu quả, nên đến khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2019 thì dừng hoạt động. Ngày 16/4/2019, Công ty có Quyết định giải thể Chi nhánh, chấm dứt hoạt động Chi nhánh **Công ty TNHH D4 Đ** tại Huế và địa điểm kinh doanh trực thuộc.

Đến ngày 18/4/2019, **Nguyễn Sỹ T** (anh của **Nguyễn Sỹ D**) đăng ký thành lập **Công ty TNHH MTV D3** (Công ty D3), địa chỉ trụ sở chính **D L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng), **T** là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của **Công ty D3**, giữ chức danh Giám đốc và được Phòng Đăng ký kinh doanh- **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T** cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp **Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên D3**, mã số doanh nghiệp: 3301647501. **T** làm thủ tục để ủy quyền cho **Hà Thị Thu H2** quản lý tại cơ sở 420 L. Ngoài ra, còn có **Phan Huyền T2** (sinh năm 2001; trú tại: **C L, phường P, thành phố H**) là nhân viên tập sự.

Ngày 24/4/2019, **Công ty D3** đăng ký thêm địa điểm kinh doanh tại 4 cơ sở thuộc địa bàn **thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, **Nguyễn Sỹ T** ủy quyền quản lý cho các nhân viên tại các cơ sở như sau:

Cơ sở 1 địa chỉ **A B, phường T, thành phố H**: Ủy quyền cho **Nguyễn Duy D1** quản lý. Ngoài ra, có **Nguyễn Thị Uyên T3**, sinh năm 1987; trú: **4 Đ, phường P, thành phố H** là nhân viên học việc.

Cơ sở 2 địa chỉ **A Đ, phường T, thành phố H**: Ủy quyền cho **Nguyễn Thị N** quản lý (ngày 10/5/2019, **Nguyễn Sỹ Trung L** Hợp đồng thuê mặt bằng làm văn phòng).

Cơ sở 3 địa chỉ **A Hồ Đ, phường A, thành phố H**: Ủy quyền cho **Nguyễn Đức T4** quản lý.

Cơ sở D5 địa chỉ **E N, phường V, thành phố H**: Ủy quyền cho **Đỗ Hữu P** quản lý.

Từ khi thành lập Công ty, **Nguyễn Sỹ T** nắm bắt được nhu cầu của nhiều người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cần vay vốn để làm ăn, mua sắm, tiêu dùng... nhưng không muốn làm hồ sơ, thủ tục vay vốn tại các Ngân hàng,

nên T đã tổ chức một đường dây cho vay với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Để che dấu hành vi cho vay lãi nặng, T hướng dẫn cho nhân viên của Công ty cho vay tiền dưới hình thức thế chấp tài sản. Thủ đoạn hoạt động của Công ty D3 là lợi dụng ngành, nghề kinh doanh đã được đăng ký: “Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (mã ngành nghề kinh doanh 4511- Chính); Đại lý ô tô và xe cơ động khác- 4513; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy- 4543; Đại lý môi giới mua bán hàng hoá- 4610; Cho thuê xe có động cơ- 7710; Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)- 4512; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy- 4542; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác- 4520; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính- Dịch vụ tư vấn hỗ trợ tài chính -; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh- 4741” để hoạt động cho vay lãi nặng. Cụ thể, khi có người cần vay tiền đến tại các cơ sở của Công ty D3 thì nhân viên sẽ hướng dẫn và yêu cầu người vay tiền đưa xe ô tô, xe máy có đăng ký chính chủ và chứng minh nhân dân, sau khi kiểm tra trực tiếp xe, đối chiếu giấy đăng ký xe với số khung, số máy để định giá tài sản rồi thỏa thuận mức tiền cho vay và lãi suất phải trả theo định kỳ (thường có kỳ 10 ngày, 20 ngày hoặc 30 ngày). Sau đó trả tiền lãi và tiền gốc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng cho nhân viên Công ty theo thỏa thuận với lãi suất từ 109,5%/năm đến 146%/năm. Đến tháng 9, tháng 10 năm 2019, T cho hạ lãi suất xuống 2.500 đồng/ngày/01 triệu đồng, dưới 100%/01 năm.

Khi người vay đồng ý với các điều kiện Công ty đưa ra, nhân viên sẽ hướng dẫn người vay lần lượt ký vào Hợp đồng bán tài sản, Hợp đồng cho thuê lại tài sản (số tiền cho vay tương ứng số tiền bán tài sản và số tiền lãi tương ứng với số tiền thuê tài sản) với lãi suất ấn định..., sau đó dùng tài sản (xe ô tô, xe máy) làm Hợp đồng cho người vay tiền thuê lại tài sản và giữ lại các giấy tờ thế chấp gồm: Chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe, bằng lái. Nhân viên lập Hợp đồng chụp ảnh các giấy mua bán xe, giấy tờ cầm cố và chụp ảnh xe máy, chụp ảnh khách hàng rồi tải lên phần mềm quản lý, đồng thời khai báo vào từng mục trong phần mềm theo tài khoản riêng của từng nhân viên. Để Công ty có thể quản lý việc cho vay cũng như thu hồi nợ, T mua phần mềm ứng dụng quản lý cho vay “102cash.com” của một người không rõ tên tuổi, lai lịch trên mạng internet.

Hằng ngày, nhân viên nhập thông tin, số liệu của người vay vào phần mềm ứng dụng quản lý cho vay “102cash.com” gồm các trường “Họ tên”, “Ngày sinh”, “Giới tính”, “Số điện thoại”, “CMND/CCCD”, “Nơi cấp”, “Ngày cấp”, “Quê quán”, “Chỗ ở hiện tại”, “Giấy tờ thế chấp”, “Số máy”, “Số khung”, “Tiền giao dịch” (tức là số tiền vay), “Loại phí” (Phí ngày k/1 triệu...), “Phí” (3.0 tức là

3.000đ/1 triệu đồng tiền giao dịch/ngày; 3.5 tức là 3.500đ/1 triệu đồng tiền giao dịch/ngày), “Số ngày”, “Chu kỳ”, “Ngày GD”, “Ghi chú”...

Để tổ chức cho vay này hoạt động, **Nguyễn Sỹ T** đã phân công cụ thể như sau: **Nguyễn Duy D1** là đầu mối nhận tiền từ các cơ sở tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế suốt quá trình hoạt động của **Công ty D3** tại Huế; **Vũ Duy Đ1** được **T** ủy quyền đại diện Công ty tại cơ sở kinh doanh của **Công ty A, A, Huế**, ký Hợp đồng thuê nhà **số E N, thành phố H** cho **Công ty D3**. Trực tiếp giao dịch cho vay và thu nợ rất nhiều người để thu lợi tại các cơ sở 188 **Đ**, 01 **Hồ Đắc D2** và 420 **L**; **Hà Thị Thu H2** được **T** giao nhiệm vụ quản lý và thực hiện hành vi cho vay tại **cơ sở D L, phường P, thành phố H**; **Nguyễn Thị N** được **T** giao nhiệm vụ quản lý và thực hiện hành vi cho vay tại **cơ sở A Đ, phường T, thành phố H**; **Nguyễn Đức T4** được **T** giao nhiệm vụ quản lý và thực hiện hành vi cho vay tại **cơ sở A Hồ Đ, phường A, thành phố H**; **Đỗ Hữu P** được **T** giao nhiệm vụ quản lý và thực hiện hành vi cho vay tại **cơ sở E N, phường V, thành phố H**

Căn cứ vào các thông tin, số liệu của các trường dữ liệu, kết quả của phần mềm tự tính toán và lời khai của các bị cáo xác định từ khi hoạt động cho vay đến thời điểm bị phát hiện ngày 02/01/2020, các đối tượng có hành vi cho vay lãi suất cao từ 109,5%/năm đến 146%/năm gấp trên 05 lần lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính tại các cơ sở của **C** ty Tín **Đ**, cụ thể như sau:

1. Hành vi của **Nguyễn Duy D1** - Quản lý cơ sở 174 **Đ**, phường **T**, thành phố **H**; đầu mối nhận tiền từ các cơ sở còn lại tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế rồi chuyển tiền cho **Nguyễn Sỹ T** và cũng nhận tiền từ Công ty rồi chuyển cho các cơ sở cho vay khác.

Nguyễn Duy D1 được **Nguyễn Sỹ T** giao nhiệm vụ là đầu mối nhận tiền từ các cơ sở còn lại tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế rồi chuyển tiền cho **Nguyễn Sỹ T** và cũng nhận tiền từ Công ty rồi chuyển cho các cơ sở cho vay khác. Việc chuyển tiền có thể thông qua chuyển khoản từ tài khoản **Ngân hàng B** và 51110000478373 của **Nguyễn Duy D1** nộp tiền mặt tại Ngân hàng cho bên nhận là số tài khoản Ngân hàng của cá nhân, chuyển theo tên và số CMND hoặc **Nguyễn Sỹ T** lấy trực tiếp từ **D1** số tiền 170 triệu đồng tại **cơ sở A1** (ngày 19/8/2019).

Quá trình khám xét tại máy tính cơ sở cho vay 174 **Đ** thu được dữ liệu thông qua tài khoản 102571 trong phần mềm ứng dụng 102cash.com do **Nguyễn Duy D1** quản lý. Căn cứ toàn bộ dữ liệu đã thu giữ được, xác định: **Nguyễn Duy D1** từ ngày 01/4/2019 đến 02/01/2020 đã trực tiếp lập 342 hợp đồng tại các cửa hàng 174 **Đ**, **A Đ** và 51 **Nguyễn Sinh C1 thành phố H**, trong 342 hợp đồng gồm: 186

hợp đồng trên 100%/01 năm và 156 hợp đồng dưới 100%/01 năm. Với tổng số tiền cho vay đối với các hợp đồng trên 100%/01 năm (phần lãi vượt 20%) là 2.783.035.000 đồng và tiền thu lợi bất chính trên 186 hợp đồng trên 100%/01 năm là 508.987.983 đồng.

Nguyễn Duy D1 được trả tiền công, hỗ trợ tiền ăn thêm, hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng. Trong đó, phần tiền lương cứng là 5 triệu đồng/tháng nên số tiền **D1** được hưởng từ tiền công là 5 triệu đồng x 9 tháng = 45 triệu đồng, ngoài ra là tiền hỗ trợ ăn thêm, tiền đỗ xăng xe được nhận thêm để chi tiêu hàng ngày, **D1** khai được nhận thêm 69.700.000 đồng (đã được chi tiêu hết hàng ngày) nên số tiền mà (**D1**) được hưởng trong quá trình tham gia tổ chức cho vay lãi nặng này là 114.700.000 đồng.

*2. Hành vi của **Nguyễn Thị N** - Quản lý cơ sở 188 Đ, phường T, thành phố H:*

Quá trình khám xét tại máy tính cơ sở cho vay 188 Đ thu được dữ liệu thông qua tài khoản 102694 trong phần mềm ứng dụng 102cash.com do **Nguyễn Thị N** quản lý. Căn cứ toàn bộ dữ liệu đã thu giữ được, xác định: **Nguyễn Thị N** từ ngày 29/3/2019 đến 02/01/2020 đã trực tiếp lập 342 hợp đồng tại các cửa hàng 174 Đ, A Đ và 01 Hồ Đ thành phố H, trong 342 hợp đồng gồm: 199 hợp đồng trên 100%/01 năm và 143 hợp đồng dưới 100%/01 năm. Với tổng số tiền cho vay đối với các hợp đồng trên 100%/01 năm là 2.324.880.000 đồng và tiền thu lợi bất chính trên 199 hợp đồng trên 100%/01 năm (phần lãi vượt 20%) là 452.054.307 đồng.

Nguyễn Thị N được trả tiền công, hỗ trợ tiền ăn thêm, hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng. Trong đó, phần tiền lương cứng là 5 triệu đồng/tháng nên số tiền **N** được hưởng từ tiền công là 5 triệu đồng x 9 tháng = 45 triệu đồng, ngoài ra là tiền hỗ trợ ăn thêm, tiền đỗ xăng xe được nhận thêm để chi tiêu hàng ngày, **N** khai đã nhận thêm 26.250.000 đồng (đã được chi tiêu hết hàng ngày) nên số tiền mà (Nhuy) được hưởng trong quá trình tham gia tổ chức cho vay lãi nặng này là 71.250.000 đồng.

*3. Hành vi của **Nguyễn Đức T4** - Quản lý cơ sở 01 Hồ Đ, phường A, thành phố H:*

Quá trình khám xét tại máy tính cơ sở cho vay 01 Hồ Đắc D2 thu được dữ liệu thông qua tài khoản 102572 trong phần mềm ứng dụng 102cash.com do **Nguyễn Đức T4** quản lý. Căn cứ toàn bộ dữ liệu đã thu giữ được, xác định: **Nguyễn Đức T4** từ ngày 02/3/2019 đến 02/01/2020 đã trực tiếp lập 177 hợp đồng tại các cửa hàng D6, 51 **Nguyễn Sinh C1** và 174 Đ, 01 Hồ Đ, 188 Đ thành phố H, trong 177 hợp đồng gồm: 99 hợp đồng trên 100%/01 năm và 78 hợp đồng

dưới 100%/01 năm. Với tổng số tiền cho vay đối với các hợp đồng trên 100%/01 năm là 975.800.000 đồng và tiền thu lợi bất chính trên 99 hợp đồng trên 100%/01 năm (phần lãi vượt 20%) là 232.587.381 đồng.

Nguyễn Đức T4 được trả tiền công, tiền ăn thêm mỗi tháng khoảng 5 triệu đồng, hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng. Trong đó, phần tiền lương cứng là 4 triệu đồng/tháng nên số tiền **T4** được hưởng từ tiền công là 4 triệu đồng x 9 tháng = 36 triệu đồng, riêng tháng 12/2019 chưa được nhận; ngoài ra là tiền hỗ trợ ăn thêm, tiền đỗ xăng xe **T4** khai đã nhận thêm 31.950.000 đồng (đã được chi tiêu hết hàng ngày) nên số tiền mà (**T4**) được hưởng trong quá trình tham gia tổ chức cho vay lãi nặng này là 67.950.000 đồng.

4. Hành vi của **Hà Thị Thu H2** - Quản lý cơ sở 420 L, phường P, thành phố H:

Quá trình khám xét tại máy tính cơ sở cho vay 420 L thu được dữ liệu thông qua tài khoản 102576 trong phần mềm ứng dụng 102cash.com do **Hà Thị Thu H2** quản lý. Căn cứ toàn bộ dữ liệu đã thu giữ được, xác định: **Hà Thị Thu H2** từ ngày 29/3/2019 đến 02/01/2020 đã trực tiếp lập 136 hợp đồng tại các cửa hàng **D6**, 51 **Nguyễn Sinh C1** và 174 **Đ thành phố H**, trong 136 hợp đồng gồm: 87 hợp đồng trên 100%/01 năm và 49 hợp đồng dưới 100%/01 năm. Với tổng số tiền cho vay đối với các hợp đồng trên 100%/01 năm là 970.000.000 đồng và tiền thu lợi bất chính (phần lãi vượt 20%) trên 87 hợp đồng trên 100%/01 năm là 202.455.103 đồng.

Hà Thị Thu H2 được trả tiền công, tiền ăn thêm mỗi tháng khoảng 5 triệu đồng, hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng. Trong đó, phần tiền lương cứng là 4 triệu đồng/tháng nên số tiền **H2** được hưởng từ tiền công là 4 triệu đồng x 9 tháng = 36 triệu đồng, riêng tháng 12/2019 mới nhận được 2 triệu đồng, tổng cộng là 38 triệu đồng; ngoài ra là tiền hỗ trợ ăn thêm, tiền đỗ xăng xe **H2** đã nhận là 26.700.000 đồng (đã được chi tiêu hết hàng ngày) nên số tiền mà **H2** được hưởng trong quá trình tham gia tổ chức cho vay lãi nặng này là 64.700.000 đồng.

5. Hành vi của **Vũ Duy Đ1**:

Ngày 13/10/2019, **Đ1** nghỉ việc về quê làm thuê, sinh sống. Qua tài liệu thu giữ được trong quá trình khám xét và trích xuất dữ liệu tại các cơ sở thời gian từ 18/6/2019 đến 13/10/2019 **Vũ Duy Đ1** đã trực tiếp lập 59 hợp đồng tại các cơ sở 188 **Đ**, 01 **Hồ Đắc D2** và 420 L, trong 59 hợp đồng gồm: 50 hợp đồng trên 100%/01 năm và 9 hợp đồng dưới 100%/01 năm. Với tổng số tiền cho vay đối với 50 hợp đồng trên 100%/01 năm là 717.000.000 đồng và tiền thu lợi bất chính trên 50 hợp đồng trên 100%/01 năm (phần lãi vượt 20%) là 103.758.041 đồng. Ngày 14/10/2019, **Vũ Duy Đ1** xin nghỉ việc và về quê làm thuê, nên số tiền thu

lợi bất chính (phần lãi vượt 20%) đối với các hợp đồng do **Vũ Duy Đ1** trực tiếp lập (tính đến ngày 14/10/2019) là 56.308.712 đồng.

6. *Hành vi của **Đỗ Hữu P** - Quản lý cơ sở 51 N, phường V, thành phố H:*

Quá trình khám xét tại máy tính cơ sở cho vay 51 **Nguyễn Sinh C1** thu được dữ liệu thông qua tài khoản 102573 trong phần mềm ứng dụng 102cash.com do **Đỗ Hữu P** quản lý. Căn cứ toàn bộ dữ liệu đã thu giữ được, xác định: từ ngày 03/9/2019 đến 02/01/2020, **P** đã trực tiếp lập 57 hợp đồng tại các cửa hàng 51 **Nguyễn Sinh C1**, **A Hồ Đ, thành phố H**, trong 57 hợp đồng gồm: 16 hợp đồng trên 100%/01 năm và 41 hợp đồng dưới 100%/01 năm. Với tổng số tiền cho vay đối với các hợp đồng trên 100%/01 năm là 225.500.000 đồng và tiền thu lợi bất chính trên 16 hợp đồng trên 100%/01 năm (phần lãi vượt 20%) là 31.793.342 đồng.

Đỗ Hữu P được trả tiền công, tiền ăn thêm mỗi tháng khoảng 5 triệu đồng, hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng. Trong đó, phần tiền lương cứng là 4 triệu đồng/tháng nên số tiền Phong được hưởng từ tiền công là 4 triệu đồng x 4 tháng = 16 triệu đồng; ngoài ra, **P** còn được nhận tiền hỗ trợ ăn thêm, tiền đỗ xăng xe 7.050.000 đồng (đã được chi tiêu hết hàng ngày) nên số tiền mà (**P**) được hưởng trong quá trình tham gia tổ chức cho vay lãi nặng này là 23.050.000 đồng.

7. *Hành vi của **Nguyễn Sỹ T, Nguyễn Viết L1 và Nguyễn Văn N1:***

Nguyễn Sỹ T đăng ký thành lập Công ty TNHH MTV **D3** với Mã số doanh nghiệp: 3301647501, là người đại diện theo pháp luật của Công ty và giữ chức danh Giám đốc, nhưng đã lợi dụng trá hình hoạt động cho vay lãi nặng với thủ đoạn thông qua mua bán xe ô tô, xe máy và cho thuê xe ô tô, xe máy. **T** ký hợp đồng đối với các nhân viên **Hà Thị Thu H2, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đức T4, Đỗ Hữu P, Nguyễn Viết L1, Nguyễn Văn N1, Vũ Duy Đ1** và tuyển thêm những nhân viên học việc mới **Phan Huyền T2, Nguyễn Thị Uyên T3**. Để tiếp tục duy trì hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, **T** ủy quyền cho những nhân viên được đại diện Công ty khi ký các hợp đồng với khách hàng. Thông qua **Nguyễn Duy D1** để **T** chỉ đạo việc cấp tiền từ nguồn vốn 300 triệu đồng ban đầu được trích trong vốn điều lệ của Công ty để triển khai việc cho vay của các cơ sở tại **Thừa Thiên Huế**; **T** quản lý chung thông qua phần mềm ứng dụng 102cash.com để quản lý khách hàng vay và nắm được hoạt động cho vay cũng như thu hồi nợ. Đối với số tiền lãi (tiền thu lợi bất chính) do khách hàng trả ngay sau khi vay hoặc theo kỳ lãi 10 ngày, 20 ngày, 30 ngày cũng như số tiền gốc đã cho vay được thu hồi khi khách hàng tắt toán thì **T** tiếp tục chỉ đạo sử dụng tất cả vào việc quay vòng vốn, cho khách vay mới vay. Chính vì vậy, từ

khoản vốn được trích trong nguồn vốn điều lệ ban đầu mà phát triển, mở rộng số lượng khách vay để thu lợi cho đến ngày 02/01/2020 bị phát hiện.

Nguyễn Sỹ T quy định lãi suất thông qua hình thức phí cho vay với các mức lãi được ấn định là 3.000 đồng/ngày/01 triệu đồng tương đương lãi xuất là 109,5%/ 01 năm; 3.500 đồng/ngày/01 triệu đồng tương đương lãi xuất là 127,75%/01 năm; 4.000 đồng/ngày/01 triệu đồng tương đương lãi xuất là 146%/01 năm... *(đều vượt quá 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự)*. Cho đến khoảng thời gian tháng 9, 10 năm 2019, thay đổi hạ lãi xuất xuống là 2.500 đồng/ ngày/01 triệu đồng.

Nguyễn Viết L1 và Nguyễn Văn N1 được **T** ký kết hợp đồng, thực hiện nhiệm vụ đi thu hồi nợ đối với những người vay chậm trả nợ của tất cả các cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. **L1** và **N1** được **T** cung cấp phần mềm hiển thị danh sách công nợ 102cash.com, 01 máy tính bảng để định vị, báo cáo công việc, vị trí làm hằng ngày. Sau khi thu hồi nợ, đến cuối ngày, **L1** và **N1** báo cáo cập nhật công việc vào phần mềm để Công ty quản lý. Quá trình thực hiện, những trường hợp người vay khi đến hạn trả nợ nhưng không đến thì **L1** và **N1** liên hệ để đi thu tiền từ người vay, sau đó nộp lại cho **Nguyễn Duy D1**. Đối với những người vay chậm trả hoặc không có khả năng trả thì **L1** và **N1** điện thoại yêu cầu, đe dọa nhằm gây áp lực buộc đóng tiền lãi hoặc sử dụng xe mô tô tìm đến địa chỉ nhà của người vay để thu hồi tiền lãi hay tiền gốc. Nếu người vay không trả **N1** và **L1** thu hồi xe máy và đưa về giao cho **Nguyễn Duy D1** bán thu hồi tiền đã cho vay. **Nguyễn Duy D1** làm nhiệm vụ là đầu mối nhận tiền từ các cơ sở còn lại tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế rồi chuyển tiền cho **Nguyễn Sỹ T** và cũng nhận tiền từ Công ty rồi chuyển cho các cơ sở cho vay khác. **L1, N1** và **D1** giúp sức tích cực cho **T** từ khi Công ty thành lập hoạt động cho đến ngày bị phát hiện.

Nguyễn Sỹ T với vai trò Giám đốc Công ty và là chủ mưu cầm đầu, chỉ đạo các nhân viên tại 5 cơ sở hoạt động cho vay lãi nặng tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ toàn bộ dữ liệu đã thu giữ được, xác định: **Nguyễn Sỹ T** từ ngày 02/3/2019 đến 02/01/2020 đã cùng đồng bọn cho vay gồm 652 hợp đồng trên 100%/01 năm, với tổng số tiền đã cho vay là 8.209.215.000 đồng *(được cộng dồn từ nguồn tiền bao gồm tiền vốn ban đầu của Công ty 300.000.000 đồng; tiền khách vay đóng lãi phí ngay sau khi vay và tiếp tục trả theo kỳ 10 ngày, 20 ngày...; tiền khách vay tất toán khoản vay theo từng hợp đồng và tiếp tục xoay vòng vốn sử dụng nguồn tiền thu lợi này để cho khách vay mới lập hợp đồng mới để mở rộng số lượng khách vay)*. Số tiền khách vay đã nộp lại là 7.201.502.495 đồng *(được cộng dồn và tiếp tục sử dụng cho khách vay mới lập hợp đồng mới)*, trong đó tiền thu lợi bất chính (phần lãi vượt 20%) là 1.558.116.446 đồng (bao

gồm số tiền khách vay được nhận lại từ Công ty đối với phần tiền lãi vượt 20% sau khi tất toán là 662.187.807 đồng); Số tiền gốc còn lại (khách hàng chưa tất toán) là 2.880.500.000 đồng, trong đó số tiền khách vay chỉ phải trả cho Công ty (đã được khấu trừ phần đóng tiền lãi vượt quá 20%) là 1.956.071.362 đồng.

* Về phần giám định

- Tại Bản kết luận giám định số 280/GĐ ngày 22/5/2020 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết đứng tên **Vũ Duy Đ1** trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M6 do cùng một người viết ra.

- Ngày 13/10/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** có Quyết định trưng cầu giám định tình trạng sức khỏe tâm thần bị cáo **Nguyễn Sỹ T**. Tại bản giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 1489/KLGĐ ngày 06/11/2023 của **Trung tâm P1** kết luận:

“+ *Trước thời điểm gây án:*

a. Kết luận về y học: Động kinh hỗn hợp có biến đổi trí năng, nhân cách (G40).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

+ *Tại thời điểm gây án:*

a. Kết luận về y học: Động kinh hỗn hợp có biến đổi trí năng, nhân cách (G40).

b. kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

+ *Thời điểm hiện tại:*

a. Kết luận về y học: Động kinh hỗn hợp có biến đổi trí năng, nhân cách (G40).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.”

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Sỹ T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm q, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Sỹ T** 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Buộc bị cáo **Nguyễn Sỹ T** nộp 6.120.805.139 đồng để sung công. Đối với số tiền 742.600.000đ sau khi trả cho những người vay 59.861.356đ, còn lại 682.738.644đ tịch thu sung ngân sách.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về điều luật áp dụng, mức hình phạt, biện pháp tư pháp đối với các bị cáo **Nguyễn Duy D1, Nguyễn Viết L1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đức T4, Hà Thị Thu H2, Đỗ Hữu P, Vũ Duy Đ2**, về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 09 và 12 tháng 12 năm 2024, bị cáo **Nguyễn Sỹ T** kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Sỹ T** vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Sỹ T** là trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Sỹ T** vắng mặt, có Luật sư bào chữa cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo **T**.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Sỹ T** về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời, phạt bổ sung bị cáo 50.000.000 đồng; buộc bị cáo nộp 6.120.805.139 đồng để sung công và tịch thu sung ngân sách 682.738.644đ là có căn cứ. Gia đình bị cáo cung cấp Biên lai thu tiền của Cục Thi hành án thành phố Huế với số tiền 52.000.000 đồng; Đơn xin xác nhận bệnh án và hoàn cảnh khó khăn; ông **Nguyễn Sỹ T1** là thương binh được tặng thưởng Huân chương và Bệnh án của bị cáo **Nguyễn sỹ T**. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối chiếu mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh tụng: thống nhất về hành vi, tội danh Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo. Bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phối hợp với cơ quan điều tra góp phần giúp cơ quan điều tra điều tra tội phạm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo có công, giai đoạn phúc thẩm bị cáo tích cực nộp được 52.000.000đ là tiền phạt bổ sung và án phí HSST. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với số tiền 742.600.000đ sau khi trả cho những người

vay 59.861.356đ, còn lại 682.738.644đ tịch thu sung ngân sách là không đúng, đây là khoản tiền mà cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét là khoản tiền hoạt động của Doanh nghiệp, không là nguồn tiền phạm tội mà có. Do đó, đề nghị trả lại số tiền này cho bị cáo, tuy nhiên tiếp tục kê biên để đảm bảo thi hành án.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 09 và 12 tháng 12 năm 2024, bị cáo **Nguyễn Sỹ T** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Sỹ T** là trong thời hạn luật định, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm các bị cáo **Nguyễn Sỹ T**, **Nguyễn Duy D1**, **Nguyễn Viết L1**, **Nguyễn Văn N1**, **Nguyễn Thị N**, **Nguyễn Đức T4**, **Hà Thị Thu H2**, **Đỗ Hữu P**, **Vũ Duy Đ2** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện:

Từ đầu tháng 3 năm 2019, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế hình thành một tổ chức cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính do **Nguyễn Sỹ T** cầm đầu, chỉ đạo, tính đến ngày 02/01/2020 đã thực hiện hành vi cho vay các khoản vay có lãi suất từ 109.5%/năm trở lên với 652 Hợp đồng vay tiền. Tổng số tiền cho vay là 8.209.215.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi mà người vay đã trả là 7.201.502.495 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (phần lãi vượt quá 20%) là 1.558.116.446 đồng, trong đó: **Nguyễn Sỹ T** là người chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm chính đối với tất cả 652 Hợp đồng vay tiền và toàn bộ số tiền thu lợi bất chính (phần lãi vượt quá 20%) là 1.558.116.446 đồng. **Nguyễn Viết L1**, **Nguyễn Văn N1**, **Nguyễn Duy D1** là những người giúp sức tích cực cho Trung thực hiện hành vi phạm tội suốt quá trình hoạt động của Công ty với số tiền thu lợi bất chính (phần lãi vượt quá 20%) trong những khoản vay này là 1.558.116.446 đồng. **Nguyễn Thị N** vai trò thực hành giúp sức với số tiền thu lợi bất chính (phần lãi vượt quá 20%) tại cơ sở mà Nhụy quản lý và trực tiếp lập hợp đồng là 452.054.307 đồng. **Nguyễn Đức T4** giúp **T** và thu lợi bất chính (phần lãi vượt quá 20%) tại cơ sở mà **T4** quản lý và trực tiếp lập hợp đồng là 232.587.381 đồng. **Vũ Duy Đ1** phải giúp **T** và thu lợi bất chính (phần lãi vượt quá 20%) tại cơ sở mà **Đ1** trực tiếp lập hợp đồng là 56.308.712 đồng. **Hà Thị Thu H2** giúp **T** và

thu lợi bất chính (phần lãi vượt quá 20%) tại cơ sở mà H2 quản lý và trực tiếp lập hợp đồng là 202.455.103 đồng. Đỗ Hữu P giúp T và thu lợi bất chính (phần lãi vượt quá 20%) tại cơ sở mà P quản lý và trực tiếp lập hợp đồng là 31.793.342 đồng.

Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Sỹ T, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Viết L1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đức T4, Hà Thị Thu H2, Đỗ Hữu P, Võ Duy Đ2 là phù hợp nhau; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ khẳng định: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Sỹ T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.2] Về điều luật áp dụng, mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Sỹ T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Bị cáo Nguyễn Sỹ T là người chủ mưu, chỉ huy, đóng vai trò chính trong vụ án, số tiền thu lợi bất chính rất lớn. Phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, phân tích, đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là đúng pháp luật. Trong đó, có xem xét bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Từ đó, xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ T 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Toà án cấp sơ thẩm đã phân tích, nhận định đánh giá về số tiền bị cáo T và đồng phạm thu lợi bất chính, tiền lãi 20%/năm, tiền lãi vượt quá 20%/năm mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nhận lại, tiền gốc thu được và số tiền trả cho những người vay khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm là 59.861.356đ. Từ đó, quyết định buộc bị cáo Nguyễn Sỹ T nộp 6.120.805.139 đồng để sung công và tịch thu sung ngân sách đối với số tiền 682.738.644đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, gia đình bị cáo cung cấp chứng cứ mới thể hiện: Đơn xin xác nhận bệnh án và hoàn cảnh khó khăn do vợ bị cáo viết, có xác nhận của chính quyền địa phương; ông Nguyễn Sỹ T1 là thương binh được tặng thưởng Huân chương và Bệnh án của bị cáo Nguyễn sỹ T (là bản pho

tô); Biên lai thu tiền của Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế với số tiền 52.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Số tiền gia đình bị cáo T nộp là 52.000.000 đồng sẽ được giải quyết trong quá trình thi hành án.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Sỹ T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Sỹ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sỹ T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm q, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ T 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Sỹ T nộp 6.120.805.139 đồng để sung công.

Đối với số tiền 742.600.000đ sau khi trả cho những người vay 59.861.356đ, còn lại 682.738.644đ tịch thu sung ngân sách.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Sỹ T phải chịu 200.000đ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Cơ quan CSĐT-CA thành phố Huế;
- Phòng HSNV-CA thành phố Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Huế;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Trại tạm giam CA thành phố Huế;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

Trần Quốc Cường